

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15-01-2026

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Hoa

2. Ông Nguyễn Trường Giang

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bàn Tiến H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn K, xã C, tỉnh Lào Cai (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Bàn Tiến H: Ông Nông Đức T – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Triệu Mùi P, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn K, xã C, tỉnh Lào Cai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà nguyên đơn anh Bàn Tiến H trình bày: Tôi và chị Triệu M Pú kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị P đi làm ăn xa tôi gọi không về nhà từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Vợ chồng sống ly thân nhau tháng 12/2024 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị Triệu Mùi P.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Triệu Mùi P trình bày: Tôi và anh Bàn Tiến H tự nguyện về chung sống với nhau từ ngày 01/2/2022 đến ngày 11/7/2023 chúng tôi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, anh H uống rượu, gái gú, đánh đập tôi vô cớ, đánh tôi ngất đi và tôi đã báo Công an xã. Tại phiên tòa chị P trình bày bổ sung thêm vợ chồng hết tình cảm với nhau từ tháng 3/2025 và sống ly thân nhau từ tháng 5/2025 cho đến nay. Nay tôi xác định không còn tình cảm với anh H nữa. Anh H xin ly hôn tôi, tôi không đồng ý vì anh H không chia tài sản cho tôi.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Bàn Tiến H đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Bàn Tiến H được ly hôn chị Triệu Mùi P.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị P chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh H là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và tại phiên tòa anh H xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Bàn Tiến H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào C phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Bàn Tiến H được ly hôn chị Triệu Mùi P

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị P chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh H là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và tại phiên tòa anh H xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Bàn Tiến H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải

quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bàn Tiến H và chị Triệu M Pú kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 11 tháng 7 năm 2023 là hôn nhân hợp pháp. Anh H và chị P đều cho rằng vợ chồng sống đến nay không hạnh phúc. Anh H xác định không còn tình cảm với chị P nữa và chị P cũng xác định không còn tình cảm với anh H nữa. Anh H khai rằng anh chị ly thân nhau từ tháng 12/2024 cho đến nay, còn chị P khai rằng anh chị ly thân nhau từ tháng 5/2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Anh H xin ly hôn, chị P không đồng ý ly hôn với lý do anh H không chia tài sản cho chị P.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Bàn Tiến H tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay anh H và chị P đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho anh H được ly hôn chị P là có căn cứ.

[4] Về con chung: Không có

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị P chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Bàn Tiến H là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và tại phiên tòa anh H xin miễn án phí. Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Bàn Tiến H được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Bàn Tiến H là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bàn Tiến H được ly hôn chị Triệu Mùi P.

2. Về án phí: Anh Bàn Tiến H được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Bàn Tiến H đã nộp tại theo biên lai số: 0001029 ngày 06 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3
- Phòng THADS khu vực 3
- Các đương sự (2)
- TGVPL
- UBND xã C
- Lưu HS -TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng